

Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÔ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 112 - HĐBT ngày 4-7-1988 về việc phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, huyện thuộc tỉnh Sông Bé.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số 64B-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé và Ban Tổ chức của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, huyện thuộc tỉnh Sông Bé như sau:

A. Huyện Đồng Phú:

Chia xã Phú Riềng thành hai xã lấy tên là xã Phú Riềng và xã Thuận Lợi.

— Xã Phú Riềng (mới) có ấp Đồng Tiến và ấp Đức Phú với 12.100 hécta diện tích tự nhiên và 1.591 nhân khẩu.

Địa giới xã Phú Riềng (mới) ở phía đông giáp xã Nghĩa Trung; phía tây giáp xã Bù Nho; phía nam giáp xã Thuận Lợi; phía bắc giáp các xã Phước Tín và Phước Bình.

— Xã Thuận Lợi có ấp Thuận Lợi với 14.800 hécta diện tích tự nhiên và 3.136 nhân khẩu.

Địa giới xã Thuận Lợi ở phía đông giáp xã Đồng Xoài; phía tây giáp xã Phú Riềng (mới); phía nam giáp xã Tân Thành; phía bắc giáp xã Nghĩa Trung.

B. Huyện Phước Long:

Tách của xã Phước Tín khu vực nông trường Đức Liễu với 6.210 hécta diện tích tự nhiên để sáp nhập vào xã Nghĩa Trung.

Sau khi phân vạch địa giới hành chính

— Xã Phước Tín có 3 ấp Đồng Tâm, Đồng Tiến và Hưng Lập với 9.740 hécta diện tích tự nhiên và 4.084 nhân khẩu.

Địa giới xã Phước Tín ở phía đông giáp xã Nghĩa Trung; phía tây giáp xã Phước Bình; phía nam giáp xã Phú Riềng (mới); phía bắc giáp các xã Sơn Giang và Đức Hạnh.

— Xã Nghĩa Trung có thôn 5 và 5 ấp Nghĩa Bình, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thành với 26.710 hécta diện tích tự nhiên và 2.327 nhân khẩu.

Địa giới xã Nghĩa Trung ở phía đông giáp xã Thống Nhất; phía tây giáp các xã Phước Tín và Phú Riềng (mới); phía nam giáp các xã Thuận Lợi và Đồng Xoài; phía bắc giáp xã Minh Hưng.

C. Huyện Đồng Phú — huyện Phước Long:

Tách xã Phú Riềng (mới) của huyện Đồng Phú để sáp nhập vào huyện Phước Long; chia huyện Phước Long thành hai huyện lấy tên là huyện Phước Long và huyện Bù Đăng.

— Huyện Phước Long (mới) có 10 xã Bình Thắng, Bù Nho, Đa Kơ, Đa Kia, Đức

Hạnh, Long Hưng, Sơn Giang, Phước Bình, Phước Tín và Phú Riêng (mới) với 182.700 héc-ta diện tích tự nhiên và 76.743 nhân khẩu.

Địa giới huyện Phước Long (mới) ở phía đông giáp huyện Bù Đăng; phía tây giáp các huyện Bình Long và Lộc Ninh; phía nam giáp huyện Đồng Phú; phía bắc giáp nước Cam-pu-chia.

— Huyện Bù Đăng có 7 xã Đak Nhay, Đồng Nai, Minh Hưng, Nghĩa Trung, Đoàn Kết, Thống Nhất và Thọ Sơn với 152.500 héc-ta diện tích tự nhiên và 26.016 nhân khẩu.

Địa giới huyện Bù Đăng ở phía đông giáp huyện Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng; phía tây giáp huyện Phước Long; phía nam giáp huyện Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai; phía bắc giáp huyện Đak Rláp thuộc tỉnh Đak Lăk.

Sau khi phân vạch địa giới hành chính:

Huyện Đồng Phú có 11 xã An Bình, An Linh, Tân Hòa, Tân Hưng, Tân Hiệp, Tân Thành, Tấn Lập, Tấn Lợi, Thuận Lợi, Đồng Xoài và Phước Vĩnh với 146.450 héc-ta diện tích tự nhiên và 86.083 nhân khẩu.

Địa giới huyện Đồng Phú ở phía đông giáp thị xã Vĩnh An thuộc tỉnh Đồng Nai; phía tây giáp huyện Chơn Thành; phía nam giáp huyện Tân Uyên; phía bắc giáp huyện Phước Long.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 116 - HĐBT ngày 20-7-1988 về việc sửa đổi mức thu tiền nuôi rừng và phương thức quản lý, sử dụng tiền nuôi rừng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề bảo đảm nguồn thu cho quỹ nuôi rừng và quản lý sử dụng tiền nuôi rừng đúng mục đích, có hiệu quả;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Quy định mức thu tiền nuôi rừng bình quân cho 1m³ gỗ tròn các loại là 37% so với giá bán buôn công nghiệp.

Liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính — Ủy ban Vật giá Nhà nước căn cứ mức thu bình quân trên đây để quy định mức thu cụ thể cho từng chủng loại gỗ của từng khu vực và mức thu cho các loại lâm sản đặc sản khác lấy từ rừng.

Điều 2. — Tiền nuôi rừng được phân phối như sau:

1. Đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh lâm nghiệp trực thuộc Trung ương và địa phương:

— Đề lại cho đơn vị 60% tổng số thu để đầu tư xây dựng lại vốn rừng.

— Nộp ngân sách trung ương 20%.

— Nộp ngân sách địa phương 20% (đơn vị thuộc cấp nào thì nộp cho cấp đó).

2. Đối với các đơn vị tập thể, hộ gia đình và tư nhân, cá thể được Nhà nước